ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1045 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 06 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Khai thác đất san lấp mặt bằng tại khu vực đồi Hố Chùa (Hố Ngái), thôn Cẩy, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang"

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 514/TTr-STNMT ngày 21/10/2024; Công văn số 5176/STNMT-BVMT ngày 02/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Khai thác đất san lấp mặt bằng tại khu vực đồi Hố Chùa (Hố Ngái), thôn Cẩy, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang" (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Cát Tường[1] (sau đây gọi là chủ dự án) thực hiện tại khu vực đồi Hố Chùa (Hố Ngái), thôn Cẩy, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

[1] Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 2400933614, do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 28/02/2022.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định[2]: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Khai thác đất san lấp mặt bằng tại khu vực đồi Hố Chùa (Hố Ngái), thôn Cẩy, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang" và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang; Chủ tịch UBND xã Hương Sơn; Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Cát Tường và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Q.CT, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Cát Tường *(trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công)*;
- Văn phòng UBND tỉnh:
+ LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
+ Cổng thông tin điện tử tỉnh;
+ Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT. Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thế Tuấn

[2] thành lập theo Quyết định số 1020/QĐ-TNMT ngày 13/10/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN "KHAI THÁC ĐẤT SAN LẤP MẶT BẰNG TẠI KHU VỰC ĐỒI HỐ CHÙA (HỐ NGÁI), THÔN CẨY, XÃ HƯƠNG SƠN, HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG"

(Kèm theo Quyết định số 1045 /QĐ-UBND ngày 06 /12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: "Khai thác đất san lấp mặt bằng tại khu vực đồi Hố Chùa (Hố Ngái), thôn Cẩy, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang".

- Địa điểm thực hiện: Khu vực đồi Hố Chùa (Hố Ngái), thôn Cẩy, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Cát Tường.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

* Phạm vi: Dự án thực hiện tại khu vực đồi Hố Chùa (Hố Ngái), thôn Cẩy, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

* Quy mô, công suất của dự án:

- Quy mô: Diện tích khai thác là 6,3 ha.

- Phạm vi, địa điểm cung cấp khoáng sản:

+ Đối với khoáng sản chính (đất san lấp) được cung cấp cho dự án: Tuyến đường vành đai phía Bắc huyện Lạng Giang (đoạn thị trấn Kép đi ĐT 292); Xây dựng công viên số 2 thị trấn Vôi; dự án cải tạo, mở rộng Quốc lộ 37 (qua xã Hương Sơn) và các dự án, các công trình sử dụng ngân sách nhà nước (phát triển hạ tầng giao thông; công trình thủy lợi, thủy điện); công trình khắc phục thiên tai, địch họa; công trình hạ tầng giao thông, công trình phúc lợi thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang phù hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản..

+ Đối với khoáng sản đi kèm (đất sét gạch) được cung cấp cho các Nhà máy gạch tuynel đã chấp thuận đầu tư, đang hoạt động sản xuất trên địa bàn huyện Lạng Giang.

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 626.412 đất ở trạng thái tự nhiên, trong đó:

+ Khoáng sản chính: 526.412 m^3 đất san lấp ở trạng thái tự nhiên, tương đương 671.175 m^3 đất san lấp ở trạng thái nở rời (hệ số nở rời 1,275).

+ Khoáng sản đi kèm: 100.000 m^3 đất sét gạch ở trạng thái tự nhiên, tương đương 122.900 m^3 đất san lấp ở trạng thái nở rời (hệ số nở rời 1,229).

(theo Quyết định số 783/QĐ-TNMT ngày 16/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường (được UBND tỉnh ủy quyền) về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản

trong "Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (đất san lấp) tại khu vực đồi Hố Chùa (Hố Ngái), thôn Cẩy, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang" thì hệ số nở rời của đất san lấp là 1,275; đất sét gạch là 1,229).

- Công suất khai thác: 180.000 m^3/năm (đất ở trạng thái tự nhiên), trong đó:

+ Khoáng sản chính: 152.000 m^3/năm đất san lấp ở trạng thái tự nhiên, tương đương 193.800 m^3/năm đất san lấp ở trạng thái nở rời (hệ số nở rời 1,275).

+ Khoáng sản đi kèm: 28.000 m^3/năm đất làm gạch ở trạng thái tự nhiên, tương đương 36.372 m^3/năm đất làm gạch ở trạng thái nở rời (hệ số nở rời 1,229).

- Mức sâu kết thúc khai thác: cốt +25 m.

- Tuổi thọ mỏ: 3,5 năm (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mỏ 0,5 năm).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

- Các hạng mục công trình của dự án gồm: Nhà văn phòng (container), đường nội bộ mỏ; bãi rửa xe + trạm cân (120 tấn), mốc giới, camera giám sát, kho chất thải rắn nguy hại, thùng chứa chất thải nguy hại, nhà vệ sinh (sử dụng nhà vệ sinh thuê lại của hộ dân cạnh dự án), thùng chứa rác thải sinh hoạt, xe bồn, hệ thống rãnh thoát nước khu vực khai thác,…

- Hoạt động của dự án: Giải phóng mặt bằng, phát quang bề mặt, vận chuyển cây cối phát quang, thi công tuyến đường giao thông, tạo diện khai thác đầu tiên, xây dựng rãnh thoát nước, hồ lắng, hoạt động khai thác, vận chuyển đất san lấp,…

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Diện tích khu vực khai thác 6,3ha, trong đó: đất trồng cây lâu năm (LNQ) là 2,031ha; đất rừng sản xuất (RST) là 2,446ha; đất trồng cây lâu năm khác (LNK) là 1,676ha; đất giao thông (DGT) là 0,1127ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) là 0,0118ha. Hiện tại được giao cho 15 cá nhân, hộ gia đình quản lý, sử dụng. Ngoài ra, dự án không có công trình nhà cửa kiên cố nào cần phải di rời và không phải di dân, tái định cư.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng các hạng mục công trình:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc trong quá trình phát quang thảm thực vật và các phương tiện vận chuyển cây cối phát quang; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng; hoạt động của máy móc thi công làm đường giao thông và san gạt đất tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, xây dựng các công trình, hồ lắng, rãnh thoát nước.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật, từ hoạt động san gạt, xúc bốc xây dựng công trình; chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thi công.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; nước thải từ hoạt động thi công xây dựng; nước mưa chảy tràn qua bề mặt dự án.

+ Các rủi ro, sự cố như: Sự cố cháy nổ; sự cố sạt lở, sụt lún; sự cố tai nạn lao động; tai nạn giao thông; sự cố do thiên tai,…

2.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động khai thác, vận chuyển đất và hoạt động sinh hoạt của công nhân tác động tới môi trường:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào, bốc xúc đất san lấp; hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác tại mỏ; hoạt động của các phương tiện vận chuyển đất ...

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải từ quá trình rửa xe; nước mưa chảy tràn trên khai trường.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; chất thải rắn từ quá trình khai thác (đất đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển); chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

+ Các rủi ro, sự cố như: Sự cố sạt lở, sụt lún tầng khai thác; sự cố sút lún, sạt lở đường giao thông do mưa bão kéo dài; sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố hư hỏng công trình bảo vệ môi trường…

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công khoảng 0,8 m^3/ngày, với các thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD_5, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, tổng Coliforms…

- Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 5 m^3/ngày, với các thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD_5, COD, dầu mỡ khoáng,…

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công cuốn theo đất đá, các chất bẩn trên bề mặt, dầu mỡ… xuống hệ thống thoát nước của khu vực, với các thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)…

* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và cây cối phát quang, từ quá trình phát quang thảm thực vật, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO_2, NO_x, bụi,…

- Bụi, khí thải từ quá trình thi công xúc bốc, làm đường giao thông, san gạt tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, xây dựng các công trình hố lắng, rãnh thoát nước, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO_2, NO_x, bụi,…

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công khoảng 5 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 75,6 tấn, với thành phần chủ yếu là thân, cành, rễ, lá cây,…

- Chất thải rắn xây dựng (như: đất đá rơi vãi, vỏ bao xi măng, sắt thép thừa, bê tông gạch vỡ…) phát sinh khoảng 227 kg trong quá trình thi công xây dựng.

***** Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như: dầu mỡ, giẻ lau dính dầu…) khoảng 20 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc, thiết bị tham gia thi công xây dựng; từ các phương tiện vận chuyển.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực, tác động đến hộ dân bị thu hồi đất, tác động đến cảnh quan địa hình,…

- Tác động do sự cố như: sự cố xói mòn, trượt lở, sụt lún; sự cố cháy nổ, sự cố ngập úng, sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông…

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân làm việc tại dự án khoảng 0,8 m^3/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD_5, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, tổng Coliforms…

- Nước mưa chảy tràn trên khai trường cuốn theo đất đá xuống các thủy vực hoặc các vùng đất trũng làm tăng độ đục của nước, gây bồi lấp các rãnh thoát nước, hồ lắng, cản trở dòng chảy của khu vực, với các thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng,…

- Nước thải rửa xe phát sinh từ hoạt động xịt rửa bánh xe khi ra vào dự án khoảng 7,3 m^3/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ...

* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển đất, từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác đất tại dự án, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO_2, NO_x, bụi,…

- Bụi từ mặt đường cuốn theo xe vận chuyển đất; từ quá trình xúc bốc trên khu vực khai thác, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi lơ lửng.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 05 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ quá trình khai thác (bao gồm đất đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển) khoảng 0,06 m^3/ngày.

* Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (dầu mỡ, găng tay, giẻ lau dính,...) khoảng 275 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông vận chuyển, máy móc, thiết bị khai thác (như máy xúc, máy ủi,…).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động tới kinh tế - xã hội; tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái; tác động đến kênh mương thủy lợi; tác động đến giao thông khu vực.

- Tác động do rủi ro, sự cố: sự cố sạt lở tầng khai thác; sự cố do mưa bão kéo dài; sự cố do sụt lún, xuống cấp tuyến đường vào mỏ, đường vận chuyển; sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động; sự cố sự cố hư hỏng công trình bảo vệ môi trường...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

Dự án sử dụng nhà container làm văn phòng làm việc; công nhân sử dụng nhà vệ sinh tại nhà dân được thuê, khi đó nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra môi trường. Bùn thải từ nhà vệ sinh, chủ dự án thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút đem đi xử lý theo quy định (tần suất 01 lần/năm hoặc khi bể chứa chất thải đầy).

* Nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng rãnh thoát nước và hồ lắng trong diện tích khai trường. Rãnh thoát nước có chiều dài 422 m, chiều rộng mặt rãnh 1,2 m, chiều rộng đáy rãnh 0,4 m, chiều sâu rãnh 0,4 m. Hồ lắng có diện tích 480 m^2, chiều sâu 1,5 m.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải xây dựng xâm nhập vào rãnh thoát nước mưa gây tắc nghẽn, ứ đọng.

* Nước thải thi công (chủ yếu là nước rửa dụng cụ):

Dự án bố trí 01 thùng phi có dung tích 500 lít để chứa đựng nước rửa dụng cụ và tận dụng lượng nước này cho việc tưới dập bụi trong khu vực thi công.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thực hiện tưới nước trên khu vực thi công và trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu thi công để giảm thiểu bụi, với tần suất 2-4 lần/ngày vào những ngày khô hanh, nắng nóng (không thực hiện tưới nước vào ngày mưa). Tiêu chuẩn tưới nước 0,5 lít/m^2.

- Trong quá trình thi công xây dựng cơ bản mỏ cũng như quá trình khai thác vận chuyển đất, định kỳ mỗi tháng 01 lần chủ dự án khảo sát tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra Quốc lộ 37, nếu có hiện tượng xuống cấp, hư hỏng tiến hành cải tạo, sửa chữa kịp thời.

- Bố trí các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án một cách hợp lý, không để ùn tắc giao thông, lưu lượng quá đông.

- Trước khi ra khỏi khu vực dự án cần che đậy tránh rơi vãi đất đá trên quá trình vận chuyển.

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, luôn để các phương tiện này hoạt động trong trạng thái tốt nhất nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng có hại.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thực hiện thu gom, phân loại chất thải tại nguồn. Bố trí 01 thùng chứa rác thải sinh hoạt có dung tích 120 lít tại khu vực dự án. Đồng thời, chủ dự án hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải tại địa phương để xử lý theo quy định, với tần suất 03 ngày/lần.

+ Tuyển dụng công nhân tại địa phương có điều kiện ăn nghỉ tại nhà nhằm giảm bớt lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

* Chất thải rắn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phát quang thực vật: Toàn bộ cây lâm nghiệp, cây ăn quả cho người dân tận thu, phần thực bì còn lại được thu gom mang đi xử lý tạo mặt bằng cho quá trình khai thác.

- Chất thải rắn xây dựng được phân loại và xử lý như sau:

- Đối với các loại chất thải tái chế được (như: tôn, sắt thép, bao bì...) được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

- Đối với các loại chất thải xây dựng (như: vữa, cát, sỏi dư thừa…) được tận dụng làm vật liệu san lấp,đắp nền đường giao thông vào mỏ trong phạm vi dự án.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 04 thùng phi có dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại, mỗi loại chất thải được lưu chứa trong thùng riêng biệt; các thùng chứa này có dán nhãn, mã quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Lưu chứa chất thải nguy hại trong kho chứa có diện tích 5,3 m^2, nền xi măng, mái lợp tôn, có cửa, trong kho có trang bị bình chữa cháy, lắp đặt biển báo cấm lửa, biển cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định để sử dụng trong quá trình thi công xây dựng cũng như quá trình mỏ hoạt động khai thác.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo quy định. Vì thời gian thi công xây dựng ngắn, lượng chất thải nguy hại phát sinh không nhiều, chủ dự án sẽ thu gom, lưu trữ tạm thời và xử lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động khai thác.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Tổ chức thi công hợp lý (có tiến độ thi công đối với từng hạng mục công trình, thực hiện việc giám sát thi công chặt chẽ).

- Bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị, tránh hiện tượng cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn và rung.

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc và thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Không thi công vào ban đêm và giờ nghỉ ngơi của người dân để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và cuộc sống sinh hoạt thường ngày của nhân dân cạnh khu vực dự án. Thời gian thi công từ 6h-11h30 và từ 13h30-18h.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Trong quá trình xây dựng, chủ dự án nghiêm túc thực hiện theo đúng bản vẽ thiết kế, không để đất đá treo sườn tầng. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá nguy cơ có thể xảy ra sụt lún, sạt lở để có phương án xử lý kịp thời.

- Trường hợp xảy ra hiện tượng sạt lở đất đá phải huy động máy móc, thiết bị tiến hành gia cố, vỗ mái bờ để ổn định địa hình.

- Vào những ngày mưa bão, chủ dự án sẽ chủ động tạm dừng hoạt động khai thác, yêu cầu tất cả cán bộ, công nhân rời khỏi khu vực dự án để tránh các tác động của thiên tai.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước không để xảy ra ứ đọng, tắc nghẽn rãnh thoát nước khu vực dự án và khu vực xung quanh.

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng hộ cá nhân (như: mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang, ...) và có quy định về sử dụng trang thiết bị bảo hộ trong khu vực công trường.

- Bố trí biển cảnh báo khu vực công trường tại điểm giao cắt để người tham gia giao thông biết, quan sát khi đến đoạn giao cắt với đường vào mỏ.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

- Dự án tiếp tục sử dụng nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn thuê của nhà dân để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân làm việc tại dự án; đảm bảo nước thải sau khi xử lý đạt QCVN14:2008/BTNMT, cột B trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Định kỳ (03 tháng/lần) bổ sung chế phẩm sinh học vào bể tự hoại.

- Định kỳ (01 năm/lần) hợp đồng với đơn vị có chức năng hút cặn bể tự hoại vận chuyển đi xử lý theo quy định.

* Nước mưa chảy tràn:

- Tiếp tục sử dụng rãnh thoát nước, hồ lắng trong diện tích khai trường đã có: Rãnh thoát nước bằng đất có chiều dài rãnh 422 m, chiều rộng mặt rãnh 1,2 m, chiều rộng đáy rãnh 0,4 m, chiều sâu rãnh 0,4 m. Nước mưa theo rãnh thoát nước dẫn về 01 hồ lắng (diện tích 480 m^2, chiều sâu 1,5 m) để lắng cặn trước khi chảy vào rãnh thoát nước của khu vực.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước, không để phế thải xây dựng xâm nhập vào rãnh thoát nước mưa gây tắc nghẽn, ứ đọng, với tần suất 03 tháng/lần.

* Nước thải từ quá trình rửa xe:

Bãi rửa xe được bố trí dạng hố trũng để lắng cặn tại hố, nước được lưu tại hố để tận dụng rửa rửa xe, dập bụi khu vực thi công. Tiếp tục sử dụng hố lắng bằng đất (diện tích 480 m^2, chiều sâu 1,5 m) để lắng cặn, sau đó được tận dụng lượng nước này cho việc rửa dụng cụ và tưới dập bụi trong khu vực thi công. Phần bùn cặn từ các hồ lắng và rãnh thoát nước được nạo vét định kỳ (01 tuần/lần), tận dụng làm đất đắp trồng cây.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Dự án trang bị xe tưới nước có dung tích bồn chứa khoảng 5m^3. Thực hiện tưới nước trên khu vực khai thác. Công tác tưới nước được thực hiện trong ngày (trừ những ngày mưa) nhằm giảm lượng bụi phát tán trong không khí, thời gian tưới và mật độ tưới tuỳ thuộc vào thời tiết, số lần tưới khoảng 2-4 lần/ngày

và tăng lên 4-6 lần/ngày đối với những ngày hanh khô, nắng nóng. Tiêu chuẩn nước tưới đường 0,5 lít/m^2.

- Bố trí bãi rửa xe, thực hiện xịt rửa xe trước khi ra khỏi mỏ nhằm hạn chế xe kéo theo bùn đất ra đường vận chuyển.

- Bố trí xe phun nước trên đường vận chuyển bắt đầu từ mỏ qua tuyến đường kết nối với Quốc lộ 37 (trong bán kính khoảng 2,5 km), bên cạnh đó việc tưới nước dập bụi cũng sẽ căn cứ vào thực tế vận chuyển, nhằm giảm thiểu bụi và tuỳ theo ngày mưa, nắng gió bố trí phun tưới nước cho phù hợp không để bụi gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, tần suất 4-6 lần/ngày và tăng lên 6-8 lần/ngày đối với những ngày hanh khô nắng nóng.

- Các phương tiện vận chuyển đất đi tiêu thụ khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do đất rơi vãi và khuyếch tán bụi vào môi trường không khí do tác dụng của gió và đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông và hạn chế rơi vãi.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Dự án bố trí công nhân và xe đi thu dọn đất đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển chính (nếu có) hoặc giao trách nhiệm thu dọn đất đá rơi vãi cho chính cán bộ lái xe vận chuyển đất thực hiện trong quá trình vận chuyển nhằm giảm thiểu bụi, tạo cảnh quan, giao thông trên tuyến đường vận chuyển. Tần suất thu gom 02 lần/ngày.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng những đoạn đường chưa đạt yêu cầu cho vận tải nặng thường xuyên đi qua, không đổ đất bừa bãi.

- Chủ dự án cam kết chỉ sử dụng xe có tải trọng từ 20 tấn trở xuống.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí 01 thùng rác có nắp đậy, dung tích 120 lít để thu gom chất thải.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương vận chuyển đem đi xử lý theo quy định, với tần suất 03 ngày/lần.

- Đối với đất đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển:

+ Một phần đất rơi vãi từ quá trình xúc bốc, vận chuyển trên đường sẽ bố trí công nhân thu gom, quét dọn bằng máy gạt kết hợp với thủ công tiếp tục được sử dụng cho việc làm vật liệu san lấp.

+ Không đổ đất quá đầy vượt quá chiều cao của thành xe.

+ Bắt buộc các xe vận chuyển đất sử dụng bạt che phủ kín thùng xe, chằng buộc bạt chặt chẽ.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 04 thùng rác có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng để thu gom chất thải nguy hại.

- Lưu chứa chất thải nguy hại trong kho chứa có diện tích 5,3 m^2, xung quanh quây tôn, nền xi măng, mái lợp tôn, cửa lưới thép, trong kho có trang bị bình chữa cháy, lắp đặt biển báo cấm lửa, biển cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định, kho chứa này đã được lắp dựng ở giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định, với tần suất 01 lần/năm.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng các máy móc cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Máy móc, thiết bị phục vụ khai thác phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích luỹ ở mức thấp nhất.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc ở những khu vực có tiếng ồn cao.

- Khi vận chuyển qua khu dân cư đặc biệt lưu ý không được rú ga, còi xe bừa bãi gây tiếng ồn, mà phải tuân thủ đúng luật giao thông đường bộ hiện hành.

- Không khai thác, vận chuyển đất vào giờ nghỉ trưa (từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút) và ban đêm (từ 19 giờ tối đến 6 giờ sáng ngày hôm sau) để không làm ảnh hưởng đến những hộ dân sống xung quanh khu vực dự án, cũng như những hộ dân trên tuyến đường vận chuyển.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.2.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Phương án được lựa chọn thực hiện

* Khu vực kết thúc khai thác và các taluy bảo vệ:

- Đối với khu vực kết thúc khai thác: Khai trường kết thúc khai thác ở cốt +25m phần lớn mặt bằng kết thúc đã bằng phẳng theo thiết kế có tổng diện tích 56.112 m^2 (sau khi đã trừ diện tích bờ taluy được củng cố ổn định trong quá trình khai thác 6.408 m^2 và diện tích hồ lắng 480 m^2).

Quá trình khai thác đã tiến hành vừa khai thác, vừa san gạt tạo mặt phẳng đúng yêu cầu thiết kế, do đó trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường chỉ cần san gạt nhẹ tạo mặt bằng bằng phẳng để thuận lợi cho việc đào hố, bổ sung đất

màu và trồng cây lâm nghiệp *(keo lai, sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô).* Tiến hành san gạt những khu vực chưa theo yêu cầu, dự kiến diện tích san gạt chiếm 30% tổng diện tích kết thúc khai thác, chiều cao san gạt trung bình 0,2m, khối lượng san gạt 3.366,72 m^3.

Quá trình trồng cây sẽ được thực hiện đồng thời với quá trình san gạt, san gạt đến đâu trồng cây đến đó. Diện tích trồng cây 56.112m^2, số hố trồng cây phải đào trên khu vực kết thúc khai thác ở cốt +25m (mật độ cây 1.660 cây/ha): 5,6112 ha x 1.660 cây/ha = 9.315 hố.

- Mái taluy bảo vệ được tạo ngay trong quá trình khai thác với góc nghiêng sườn tầng kết thúc: Trong tầng đất đá phong hóa mạnh là 40^0, trong tầng đất đá phong hóa vừa là 70^0, khai thác đến đâu tạo góc nghiêng sườn tầng kết thúc đến đó, sau đò dùng máy xúc gia cố góc dốc sườn tầng đảm bảo theo thiết kế nhằm giảm bớt chi phí trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường *(giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường không phải tiến hành gia cố lại các khu vực này).*

* Khơi thông, nạo vét hố lắng

- Đối với hồ lắng: Nạo vét hồ lắng khu vực kết thúc khai thác, hồ lắng có diện tích 480m^2, sâu 1,5m, chiều cao nạo vét khoảng 0,5m. Khối lượng nạo vét: 240 m^3 (=480 m^2 x 0,5m).

* Tháo dỡ các công trình

- Kho chứa chất thải nguy hại diện tích 5,3 m^2.

- Camera giám sát: 01 chiếc.

- Trạm cân: 01 trạm.

- Mốc giới (13 chiếc) được thiết kế theo quy cách: 0,2m x 0,3m x 0,8m. Khối lượng mốc giới cần tháo dỡ: 0,624 m^3 (=0,2m x 0,3m x0,8m x 13).

* Cải tạo lại tuyến đường vào khu mỏ và tuyến đường nội bộ mỏ

- Đối với tuyến đường bê tông dân sinh nối ra Quốc lộ 37, chủ dự án khảo sát để tu sửa nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại. Chiều dài tuyến đường bê tông sử dụng theo thỏa thuận khoảng 210m, chiều dày lớp bê tông 0,25m. Khi kết thúc khai thác sẽ sửa chữa, cải tạo tuyến đường những vị trí còn hư hỏng, dự kiến chiếm khoảng 20% diện tích tuyến đường. Khối lượng cải tạo: 42 m^3 (=210m x 4m x 0,25m x 0,2).

- Đối với tuyến đường vận chuyển vào mỏ nằm trong diện tích mỏ, sẽ được san gạt, cải tạo cùng với quá trình cải tạo, phục hồi môi trường khu vực kết thúc khai thác ở cốt +25m.

* Lắp đặt biển cảnh báo

- Do đặc thù của khu mỏ là khai thác đất với diện tích rộng (6,3 ha). Do vậy việc lắp đặt biển cảnh báo tại một số vị trí người dân thường xuyên đi lại qua, dễ quan sát, nguy cơ cao sạt lở, có độ chênh lệch cao, có nguy cơ mất an toàn, cụ thể như sau: Cột biển báo bằng ống kẽm φ60, kích thước biển báo 0,6m x 0,6m, chất liệu bằng tôn thép không rỉ, số lượng 10 biển.

b) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Biện pháp thi công	Ghi chú
I. Các công trình tháo dỡ					
1	Kho chứa CTNH	m^2	5,3	Thủ công	Tháo dỡ, thu hồi
2	Camera giám sát	Chiếc	01	Thủ công	Tháo dỡ, thu hồi
3	Trạm cân (120 tấn) + bãi rửa xe	Trạm	01	Thủ công - máy	Tháo dỡ, thu hồi
4	Mốc giới (13 chiếc)	m^3	0,624	Thủ công	Tháo dỡ, thu hồi
5	Nhà văn phòng (nhà container)	Chiếc	01	Tháo dỡ, thu hồi	Trả lại nhà cung cấp
II. Cải tạo đường giao thông					
1	Cải tạo tuyến đường bê tông dân sinh	m^3	42	Thủ công - máy	-
III. Cải tạo mặt bằng kết thúc khai thác					
1	Kết thúc ở mức cốt +25m	m^3	3.366,72	Máy ủi 110 cv	-
2	Lắp đặt biển cảnh báo	Chiếc	10	Thủ công	-
IV. Đào hố, trồng cây, bổ sung đất màu khu vực kết thúc khai thác					
1	Diện tích trồng cây trên khu vực kết thúc khai thác 5,6112 ha	Hố	9.315	Thủ công	-
2	Bổ sung đất màu	m^3	596,13	Thủ công	-
V. Nạo vét hệ thống thoát nước, hồ lắng					
1	Nạo vét hồ lắng	m^3	240	Thủ công - máy	-

c) Kế hoạch thực hiện

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các công việc cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác như sau:

- Dọn dẹp công trình phụ trợ: Tháo dỡ kho chứa chất thải nguy hại, camera giám sát, trạm cân; tháo dỡ mốc giới, nhà văn phòng (container); san gạt khu vực kết thúc khai thác; cải tạo tuyến đường bê tông dân sinh nối từ mỏ ra Quốc lộ 37; lắp đặt biển báo; nạo vét rãnh thoát nước, hồ lắng: Hoàn thành trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

- Trồng và chăm sóc cây trên khu vực kết thúc khai thác: Thực hiện trong thời gian 03 năm, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

d) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường: **1.039.516.325 đồng**.

- Phương thức ký quỹ:

Do thời gian khai thác của dự án là 3,5 năm (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mỏ 0,5 năm), vì vậy dự án phải tiến hành ký quỹ nhiều lần. Trong đó:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu bằng 25% tổng số tiền ký quỹ (*chưa bao gồm yếu tố trượt giá)*: 1.039.516.325 đồng x 25% = **259.879.081 đồng**.

+ Số tiền ký quỹ từ lần thứ 02 trở đi (*chưa bao gồm yếu tố trượt giá*): (1.039.516.325 - 259.879.081)/(3,5-1) = **415.702.578 đồng**.

- Thời điểm thực hiện ký quỹ:

+ Thời điểm ký quỹ lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Thời điểm ký quỹ lần thứ hai trở đi: Phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 (bảy) ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Giang.

4.2.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Công nghệ khai thác đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác:

+ Khai thác theo thứ tự từ trên xuống dưới và tạo các tầng, mặt tầng quy định, hạn chế tối đa khả năng sạt lở xung quanh.

+ Trong quá trình khai thác, không để đất đá treo, khai thác đến đâu sẽ sử dụng đất thải để gia cố sườn tầng, bờ bao, ngăn chặn sạt lở khi khai thác xuống sâu. Những khu vực tiếp giáp có nguy cơ sạt lở, sụt lún cần củng cố ổn định.

+ Ưu tiên xử lý khu vực có độ cao lớn, vách vỉa thẳng đứng về trạng thái ổn định an toàn trước khi tiến hành khai thác.

+ Trong quá trình khai thác, nghiêm túc thực hiện theo đúng thiết kế, tạo độ dốc taluy phù hợp thuận tiện cho việc tiêu thoát nước hạn chế úng đọng làm giảm sự liên kết của đất đá.

- Vào những ngày mưa bão, chủ dự án sẽ chủ động tạm dừng hoạt động, yêu cầu tất cả cán bộ công nhân rời khỏi khu vực dự án để tránh các tác động của thiên tai cho đến khi mưa bão đi qua mới hoạt động trở lại.

- Trong quá trình khai thác phải định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy. Tuyệt đối tuân thủ quy định về phòng cháy, chữa cháy.

- Thường xuyên sửa chữa, cải tạo kịp thời những đoạn đường bị hư hỏng có xe vận tải của dự án đi qua.

- Cam kết sử dụng xe có trọng tải từ 20 tấn trở xuống để vận chuyển đất. Trường hợp xảy ra hư hỏng tuyến đường được xác định nguyên nhân do quá trình vận chuyển đất từ dự án thì chủ dự án có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng, đơn vị quản lý tuyến đường để khắc phục, sửa chữa kịp thời.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông, nạo vét toàn bộ rãnh thoát nước, hồ lắng tại khu vực khai trường cũng như khu vực phụ trợ trước, trong và sau những trận mưa hoặc trước khi vào mùa mưa.

- Tất cả công nhân tham gia trên công trường đều được học tập về các quy định an toàn lao động. Các công nhân trực tiếp thi công vận hành máy móc được đào tạo thực hành.

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng hộ cá nhân (như: mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang, kính mắt,…) và có những quy định về sử dụng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong khu vực xây dựng cơ bản mỏ.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi, SO_2, NO_2, CO.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong quá trình thi công xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT.

5.1.2. Nước thải sinh hoạt

Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án khoảng 0,8 m^3/ngày, khi đó, đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định này thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT; định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Khí thải

Khí thải trong giai đoạn vận hành ở dạng phát tán, không tập trung và có quy mô nhỏ, khi đó đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 112 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì dự án không phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ.

5.2.2. Nước thải sinh hoạt

Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án khoảng 0,8 m^3/ngày, khi đó, đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định này thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

5.2.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/TTBTNMT; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Định kỳ hằng năm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường (*kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo*) gửi đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo.

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để kiểm tra, xem xét) và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 514/TTr-STNMT ngày 21/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.